



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TIỀN GIANG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05-23
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09-23

0111
CHI
CÔNG
ANG
W4-

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

Công ty cổ phần Bao Bì Tiền Giang, tên giao dịch quốc tế là Tien Giang Packing JSC, viết tắt là TIGIPACK được chuyển đổi từ Xí nghiệp Bao bì Lương thực Tiền Giang thuộc Công ty Lương thực Tiền Giang - Tổng Công ty Lương thực Miền Nam theo Quyết định số 4439/QĐ/BNN-TCCB ngày 09 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5303000037 cấp lần đầu ngày 01/04/2005 và thay đổi lần thứ ba ngày 10/12/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu phố Trung Lương, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Bảy	Chủ tịch	
Ông Lê Tấn Thành	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2017
Bà Lê Thị Kim Hiếu	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2017
Ông Trần Văn Tường	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 05 năm 2017
Ông Võ Thanh Tông	Ủy viên	
Ông Trương Văn Hứa	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 11 năm 2017

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Tấn Thành	Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Phở	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2017
Ông Võ Thanh Tông	Phó Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Dương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tấn Hưng	Thành viên
Ông Lâm Anh Tuấn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang

Khu phố Trung Lương, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Giám đốc

Lê Tấn Thành
Giám đốc

Tiền Giang, ngày 25 tháng 02 năm 2018

06-C
NH
HH
TOÁN
CHÍNH

Số: 120318. 002 /BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang được lập ngày 25 tháng 02 năm 2018, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Ngô Minh Quý
Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2018-002-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Thái
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1623-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		22.240.023.583	21.166.922.337
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	8.244.713.586	4.606.215.617
111	1. Tiền		1.944.713.586	2.106.215.617
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.300.000.000	2.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.582.847.141	7.848.235.946
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	3.557.126.461	8.879.860.874
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		41.200.000	10.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		15.000.000	-
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.030.479.320)	(1.041.624.928)
140	IV. Hàng tồn kho	6	11.359.903.015	8.565.058.229
141	1. Hàng tồn kho		11.359.903.015	8.565.058.229
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		52.559.841	147.412.545
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		18.242.424	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		34.317.417	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9	-	147.412.545
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.625.105.923	2.391.125.016
220	II. Tài sản cố định		1.625.105.923	2.391.125.016
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	1.625.105.923	2.391.125.016
222	- Nguyên giá		27.752.166.444	27.752.166.444
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(26.127.060.521)	(25.361.041.428)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		23.865.129.506	23.558.047.353

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.129.417.043	2.121.788.627
310	I. Nợ ngắn hạn		2.129.417.043	2.121.788.627
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	8	1.859.449.728	768.311.214
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.100.000	3.139.460
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9	39.184.959	466.994.685
314	4. Phải trả người lao động		182.836.011	744.707.765
319	5. Phải trả ngắn hạn khác		5.174.908	8.410.990
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		41.671.437	130.224.513
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		21.735.712.463	21.436.258.726
410	I. Vốn chủ sở hữu	10	21.735.712.463	21.436.258.726
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		11.900.000.000	11.900.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>11.900.000.000</i>	<i>11.900.000.000</i>
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		753.704.999	753.704.999
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		8.497.208.332	8.468.776.889
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		584.799.132	313.776.838
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>18.913.952</i>	<i>29.462.406</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>565.885.180</i>	<i>284.314.432</i>
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		23.865.129.506	23.558.047.353



Nguyễn Thị Như Mai
 Người lập



Nguyễn Thị Như Mai
 Kế toán trưởng



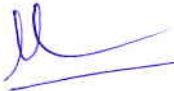
Lê Tấn Thành
 Giám đốc


Tiền Giang, ngày 25 tháng 02 năm 2018


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12	57.593.929.371	56.962.676.906
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		57.593.929.371	56.962.676.906
11	4. Giá vốn hàng bán	13	52.406.268.794	52.007.254.671
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.187.660.577	4.955.422.235
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	14	186.693.785	154.217.738
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	15	1.182.569.821	971.336.908
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16	3.378.680.033	3.718.619.761
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		813.104.508	419.683.304
31	11. Thu nhập khác		14.640	18.583
32	12. Chi phí khác	17	84.743.565	52.800.000
40	13. Lợi nhuận khác		(84.728.925)	(52.781.417)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		728.375.583	366.901.887
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18	162.490.403	82.587.455
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		565.885.180	284.314.432
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19	381	239


Nguyễn Thị Như Mai
Người lập

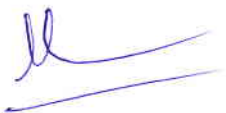

Nguyễn Thị Như Mai
Kế toán trưởng


Lê Tấn Thành
Giám đốc

Tiền Giang, ngày 25 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2017
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		67.315.534.892	61.213.417.949
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(43.737.144.784)	(42.395.689.055)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(11.286.991.230)	(12.437.277.426)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(421.342.414)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.869.213.651	1.207.038.306
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.470.808.345)	(5.800.568.705)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		3.689.804.184	1.365.578.655
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(753.704.999)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		185.479.309	147.453.127
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		185.479.309	(606.251.872)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(238.000.000)	(973.375.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		(238.000.000)	(973.375.000)
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		3.637.283.493	(214.048.217)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		4.606.215.617	4.813.499.223
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.214.476	6.764.611
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	8.244.713.586	4.606.215.617



Nguyễn Thị Như Mai
Người lập



Nguyễn Thị Như Mai
Kế toán trưởng



Lê Tấn Thành
Giám đốc

Tiền Giang, ngày 25 tháng 02 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Bao Bì Tiền Giang, tên giao dịch quốc tế là Tien Giang Packing JSC, viết tắt là TIGIPACK được chuyển đổi từ Xí nghiệp Bao bì Lương thực Tiền Giang thuộc Công ty Lương thực Tiền Giang - Tổng Công ty Lương thực Miền Nam theo Quyết định số 4439/QĐ/BNN-TCCB ngày 09 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5303000037 cấp lần đầu ngày 01/04/2005 và thay đổi lần thứ ba ngày 10/12/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu phố Trung Lương, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Vốn điều lệ của Công ty là 11.900.000.000 VND; tương đương 1.190.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và kinh doanh Bao bì.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất bao bì các loại;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu bao bì các loại. Nhập khẩu nguyên liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng. Chuyển giao công nghệ thuộc ngành bao bì.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 22 năm
- Máy móc, thiết bị	10 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 08 năm

2.8 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.9 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.10 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.11 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.12 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.13 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	418.724.000	583.225.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.525.989.586	1.522.990.617
Các khoản tương đương tiền	6.300.000.000	2.500.000.000
	<u><u>8.244.713.586</u></u>	<u><u>4.606.215.617</u></u>

Tại ngày 31/12/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng có giá trị 6.300.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương với lãi suất 4,8%/năm.

1108
NH
GT
KIẾ
AAS
TP.H

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty CP Đường Khánh Hòa	-	5.270.613.700
- Công ty CP Xuất nhập khẩu NSTP Cà Mau	720.000.000	758.779.440
- Công ty TNHH Nutrawell (USD)	684.420.000	-
- Nhà máy đường Phụng Hiệp	544.225.000	879.098.000
- Công ty CP Bột mì Bình Đông	275.401.500	285.516.000
- Công ty Lương thực Tiền Giang	180.220.293	356.233.242
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.152.859.668	1.329.620.492
	<u>3.557.126.461</u>	<u>8.879.860.874</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	<u>1.175.621.793</u>	<u>1.400.528.682</u>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 24.		

5 . NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- DNTN Thiên Thanh	232.952.500	-	432.952.500	-
- Công ty CP Xuất nhập khẩu NSTP Cà Mau	720.000.000	-	758.779.440	227.633.832
- Công ty TNHH Dabaco Tiền Giang	77.526.820	-	77.526.820	-
	<u>1.030.479.320</u>	<u>-</u>	<u>1.269.258.760</u>	<u>227.633.832</u>

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.204.128.117	-	1.337.307.726	-
Công cụ, dụng cụ	147.793.048	-	127.051.075	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.720.528.158	-	1.547.959.687	-
Thành phẩm	5.286.589.692	-	5.551.875.741	-
Hàng hoá	864.000	-	864.000	-
	<u>11.359.903.015</u>	<u>-</u>	<u>8.565.058.229</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang

Khu phố Trung Lương, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	5.119.533.862	21.186.642.224	1.195.841.868	44.732.728	205.415.762	27.752.166.444
Số dư cuối năm	5.119.533.862	21.186.642.224	1.195.841.868	44.732.728	205.415.762	27.752.166.444
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4.334.263.394	20.380.143.366	488.031.588	44.732.728	113.870.352	25.361.041.428
- Khấu hao trong năm	268.011.293	352.363.175	104.846.281	-	40.798.344	766.019.093
Số dư cuối năm	4.602.274.687	20.732.506.541	592.877.869	44.732.728	154.668.696	26.127.060.521
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	785.270.468	806.498.858	707.810.280	-	91.545.410	2.391.125.016
Tại ngày cuối năm	517.259.175	454.135.683	602.963.999	-	50.747.066	1.625.105.923
Trong đó:						
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				20.980.341.386	VND	

8 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Thương mại Vĩnh Cường	1.003.200.000	1.003.200.000	-	-
- DNTN Thương mại và Sản xuất Trường Thủy	440.000.000	440.000.000	-	-
- Công ty TNHH Bao Bì Tấn Phong	151.000.000	151.000.000	-	-
- Công ty TNHH Hưng Phát Thành	136.818.000	136.818.000	299.028.400	299.028.400
- Công ty CP Sản xuất Thương mại Tân Việt Sinh	80.832.950	80.832.950	329.934.550	329.934.550
- Phải trả các đối tượng khác	47.598.778	47.598.778	139.348.264	139.348.264
	1.859.449.728	1.859.449.728	768.311.214	768.311.214

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	465.204.685	1.320.618.728	1.785.823.413	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	147.412.545	-	162.490.403	-	-	-	-	-	15.077.858	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	1.790.000	86.335.633	64.018.532	-	-	-	-	24.107.101	-
	147.412.545	466.994.685	1.569.444.764	1.849.841.945	-	-	-	-	39.184.959	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang

Báo cáo tài chính

Khu phố Trung Lương, phường 10, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

10 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	11.900.000.000	-	9.161.999.128	1.102.427.926	22.164.427.054
Tăng vốn trong năm trước	-	753.704.999	(753.704.999)	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	284.314.432	284.314.432
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	60.482.760	(60.482.760)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(60.482.760)	(60.482.760)
Chi trả cổ tức 2015	-	-	-	(952.000.000)	(952.000.000)
Số dư cuối năm trước	11.900.000.000	753.704.999	8.468.776.889	313.776.838	21.436.258.726
Số dư đầu năm nay	11.900.000.000	753.704.999	8.468.776.889	313.776.838	21.436.258.726
Lãi trong năm nay	-	-	-	565.885.180	565.885.180
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	28.431.443	(28.431.443)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(28.431.443)	(28.431.443)
Chi trả cổ tức 2016	-	-	-	(238.000.000)	(238.000.000)
Số dư cuối năm nay	11.900.000.000	753.704.999	8.497.208.332	584.799.132	21.735.712.463

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 02/NQ-HĐQT lần thứ 13 ngày 18/05/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	313.776.838
Trích Quỹ đầu tư phát triển	28.431.443
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	28.431.443
Chi trả cổ tức (bằng 2% vốn điều lệ)	238.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	18.913.952

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng công ty Lương thực Miền Nam	60,00%	7.140.000.000	60,00%	7.140.000.000
Các cổ đông khác	40,00%	4.760.000.000	40,00%	4.760.000.000
	100%	11.900.000.000	100%	11.900.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	11.900.000.000	11.900.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	11.900.000.000	11.900.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	11.900.000.000	11.900.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	238.000.000	952.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	238.000.000	952.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.190.000	1.190.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.190.000	1.190.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.190.000	1.190.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.190.000	1.190.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.190.000	1.190.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	8.497.208.332	8.468.776.889
	8.497.208.332	8.468.776.889

11 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2017	01/01/2017
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.566,08	1.194,24

12 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	57.490.331.271	56.956.796.906
Doanh thu bán nguyên vật liệu	100.797.000	-
Doanh thu gia công	2.801.100	5.880.000
	<u>57.593.929.371</u>	<u>56.962.676.906</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 24.	<u>7.336.208.596</u>	<u>6.493.664.165</u>

13 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa và thành phẩm đã bán	52.316.764.853	52.004.916.943
Giá vốn nguyên vật liệu đã bán	87.633.465	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.870.476	2.337.728
	<u>52.406.268.794</u>	<u>52.007.254.671</u>

14 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	185.479.309	147.453.127
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	547.344	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	667.132	6.764.611
	<u>186.693.785</u>	<u>154.217.738</u>

15 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.122.484.285	940.183.244
Chi phí khác bằng tiền	60.085.536	31.153.664
	<u>1.182.569.821</u>	<u>971.336.908</u>

16 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	104.036.109	119.684.432
Chi phí nhân công	1.792.224.291	1.779.712.569
Chi phí khấu hao tài sản cố định	312.044.499	333.364.305
Thuế, phí, lệ phí	178.700.838	270.133.230
Hoàn nhập dự phòng	(11.145.608)	310.741.776
Chi phí dịch vụ mua ngoài	194.563.112	296.509.443
Chi phí khác bằng tiền	808.256.792	608.474.006
	<u>3.378.680.033</u>	<u>3.718.619.761</u>

17 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí thù lao HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành	67.200.000	52.800.000
Chi phí khác	17.543.565	-
	84.743.565	52.800.000

18 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	728.375.583	366.901.887
Các khoản điều chỉnh tăng	84.743.565	52.800.000
- Chi phí không hợp lệ	84.743.565	52.800.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(667.132)	(6.764.611)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(667.132)	(6.764.611)
Thu nhập chịu thuế TNDN	812.452.016	412.937.276
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	162.490.403	82.587.455
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(147.412.545)	191.342.414
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	(421.342.414)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	15.077.858	(147.412.545)

19 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	565.885.180	284.314.432
Các khoản điều chỉnh	(112.588.518)	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế ^(*)	(112.588.518)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	453.296.662	284.314.432
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	1.190.000	1.190.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	381	239

(*) Công ty dự tính trích Quỹ khen thưởng phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế năm 2017 dựa trên kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017 đã được thông qua tại Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 02/NQ-HĐQT lần thứ 13 ngày 18/05/2017.

20 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	36.968.084.638	35.510.281.291
Chi phí nhân công	13.838.584.347	15.292.885.689
Chi phí khấu hao tài sản cố định	766.019.093	1.010.956.675
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.433.770.664	4.037.610.684
Chi phí khác bằng tiền	868.342.328	639.627.670
	56.874.801.070	56.491.362.009

21 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.244.713.586	-	4.606.215.617	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.572.126.461	(1.030.479.320)	8.879.860.874	(1.041.624.928)
	11.816.840.047	(1.030.479.320)	13.486.076.491	(1.041.624.928)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	1.864.624.636	776.722.204
	1.864.624.636	776.722.204

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.244.713.586	-	-	8.244.713.586
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.541.647.141	-	-	2.541.647.141
	<u>10.786.360.727</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>10.786.360.727</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.606.215.617	-	-	4.606.215.617
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.838.235.946	-	-	7.838.235.946
	<u>12.444.451.563</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>12.444.451.563</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.864.624.636	-	-	1.864.624.636
	<u>1.864.624.636</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.864.624.636</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Phải trả người bán, phải trả khác	776.722.204	-	-	776.722.204
	<u>776.722.204</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>776.722.204</u>



Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

22 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

23 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh bao bì và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

24 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.336.208.596	6.493.664.165
Công ty Lương thực Tiền Giang	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	3.031.401.196	3.229.958.065
Công ty Nông Sản thực Phẩm Tiền Giang	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	-	115.086.300
Công ty Lương thực Bến Tre	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	127.695.000	463.162.000
Công ty Bột mì Bình Đông	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	2.173.212.600	2.384.529.600
Công ty CP Lương thực Nam Trung Bộ	Cùng Công ty mẹ	47.460.000	216.046.200
Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	1.266.582.400	-
Lương thực Vĩnh Long	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	-	84.882.000
Lương thực Đồng Tháp	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	689.857.400	-
	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Mua nguyên liệu, hàng hóa		5.976.909	-
Công ty Lương thực Tiền Giang	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	5.976.909	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		1.175.621.793	1.400.528.682
Công ty Lương thực Tiền Giang	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	180.220.293	356.233.242
Công ty Bột mì Bình Đông	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	275.401.500	285.516.000



Công ty Nông Sản Thực Phẩm Cà Mau	Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ	720.000.000	758.779.440
-----------------------------------	------------------------------	-------------	-------------

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

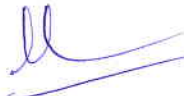
	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	493.888.000	532.465.000
Trong đó:		
- Thu nhập của Giám đốc	153.552.000	222.388.822

25 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thị Như Mai
Người lập



Nguyễn Thị Như Mai
Kế toán trưởng



Lê Tấn Thành
Giám đốc

Tiền Giang, ngày 25 tháng 02 năm 2018

